

I. MATCH

1. Sit down	
2. Listen	
3. Hello	
4. Chair	
5. Ruler	
6. Father	
7. Board	
8. Desk	
9. Pencil	
10. Marker	
11. Doll	
12. Mother	
13. Baby	
14. Rubber	
15. Gloves	
16. Honey	
17. Cake	
18. Candy	
19. Hippo	
20. Goodbye	
21. Grapes	
22. Bike	
23. Truck	
24. Ice cream	
25. Beach	
26. Boat	
27. Coach	
28. Mango	
29. Pillow	
30. Son	
31. Quiet	
32. Queen	
33. Rabbit	
34. Picture	
35. Finger	
36. Eyes	

1. Mật ong
2. Búp bê
3. Bánh
4. Mẹ
5. Thước
6. Cục gôm
7. Lắng nghe
8. Găng tay
9. Em bé
10. Ngồi xuống
11. Kẹo
12. Cái bàn
13. Bố
14. Xin chào
15. Kem
16. Xe đạp
17. Nho
18. Xe tải
19. Bút chì
20. Bãi biển
21. Cái ghế
22. Bút lông
23. Con thuyền
24. Gối
25. Con thỏ
26. Mắt
27. Ngón tay
28. Quả nho
29. Con trai
30. Tạm biệt
31. Bức ảnh
32. Im lặng
33. Con hà mã
34. Quả xoài
35. Nữ hoàng
36. Xe đồ

II. FILL THE BLANK

1. C__lor
2. M__rning
3. S__ake
4. __ather
5. Ta__le
6. Du__k
7. Era__er
8. B__x
9. H__nd
10. E__r
11. Ne__k
12. Ye__low
13. B__ue
14. T__n
15. Tw__
16. F__ve
17. Wh__te
18. B__ack
19. Sch__ol
20. Pu__ple
21. B__s
22. Co__ch
23. Sli__e
24. Lo__ry